TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 31/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1034/2025/TLST-HNGĐngày 04 tháng 11 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hônthỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Đặng Nguyên B, sinh năm: 1986; Địa chỉ: 9 Q, Khu phố C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà Đỗ Thị Ái H, sinh năm: 1986; Địa chỉ: F Khu phố C, phường T, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Đặng Nguyên B1 Đỗ Thị Ái H1 nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2013 ngày 11/5/2013 của Ủy ban nhân dân Phường A (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 20/10/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/12/2025, ông Đặng Nguyên B1 Đỗ Thị Ái H2 Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông Đặng Nguyên B2 nuôi dưỡng con chung. Bà Đỗ Thị Ái H3 trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Thi hành tại Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền kể từ tháng 01/2026.Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Đặng Nguyên B1 Đỗ Thị Ái H4 sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không có tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Nguyên Bbà Đỗ Thị Ái H5 tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2013 ngày 11/5/2013 của Ủy ban nhân dân Phường A (nay là phường A), Thành phố H hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Nguyên K ngày 09/7/2016. Ông Đặng Nguyên B2 nuôi dưỡng con chung. Bà Đỗ Thị Ái Hcấp D nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Thi hành tại Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền kể từ tháng 01/2026.

Kể từ khi ông Đặng Nguyên B3 yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Ái H6 trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Quyền và nghĩa vụ của ông Đặng Nguyên B1 Đỗ Thị Ái H7 với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đặng Nguyên B1 Đỗ Thị Ái H8 lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Đặng Nguyên B4 bà Đỗ Thị Ái H9 theo biên lai thu số 0034737 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đặng Nguyên B1 Đỗ Thị Ái H10 đóng đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV7-TPHCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Phòng THADS KV7-TPHCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thanh Bửu Tịnh